

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 195/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 374/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đậu Trang T, sinh năm 1994;

Địa chỉ cư trú: 96/20 khu phố 2, phường TH, thành phố BH, tỉnh DN.

Địa chỉ liên lạc: 15/83/17 Võ Duy Ninh, phường 22, quận BT, Thành phố HCM.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Huỳnh T1, sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: 2/7/10 Nguyễn Thành Phương, khu phố 6, phường TN, thành phố BH, tỉnh DN.

(Bà T và ông T1 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đậu Trang Ty trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Đậu Trang T) và ông Nguyễn Huỳnh T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TN, thành phố BH, tỉnh DN và được UBND phường TN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2022 ngày 03/02/2022.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hoà hợp, nhiều lần gây gổ, cãi vã nhau dẫn đến tôi bị khủng hoảng về tinh thần. Trong thời gian tôi mang thai sinh sống tại nhà mẹ ruột của tôi tên Trần Ngọc T2 tại 15/83/17 Võ Duy Ninh, phường 22, quận BT, Thành phố HCM, tôi và ông T1 tiếp tục cãi vã nhau qua tin nhắn điện thoại. Sau khi tôi sinh nở được 02 tháng, vào ngày 25/01/2023 (Mùng 4 Tết), tôi có về nhà chung của hai vợ chồng ở phường TN, giữa tôi và ông T1 có xảy ra cãi vã nhau không đáng kể nhưng ông T1 có hành động cầm dao rượt đuổi đòi đâm chết tôi trước sự chứng kiến của cha ruột chồng và hàng xóm, kèm theo những lời chửi rủa và đe dọa tính mạng tôi. Khi thoát nạn tôi sợ hãi và về nhà cha mẹ ruột của tôi ở nhưng ông T1 vẫn thường xuyên điện thoại, nhắn tin dọa nạt và khủng bố tôi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay, không còn sống chung với nhau nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nay tôi làm đơn đề nghị Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giải quyết cho tôi (T) được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh T1 để tôi được giải thoát.

- Về con chung: Tôi (T) và ông Nguyễn Huỳnh T1 có 01 con chung tên Nguyễn Đức Á, sinh ngày 08/11/2022. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Toà án giao con chung Nguyễn Đức Á cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Hiện nay tôi làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 15.000.000đ/tháng (Mười lăm triệu đồng/tháng) đảm bảo kinh tế nuôi con. Cháu Á đang sống với tôi tại địa chỉ liên lạc: 15/83/17 Võ Duy Ninh, phường 22, quận BT, Thành phố HCM đảm bảo chỗ ở cho con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về án phí: Tôi tự nguyện nộp theo quy định.

*** Theo các bản khai có tại hồ sơ và tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T1 trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Nguyễn Huỳnh T1) và bà Đậu Trang T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TN, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai và được UBND phường TN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2022 ngày 03/02/2022.

Lý do mâu thuẫn vợ chồng: Từ ngày 22 đến ngày 30 Tết, tôi có gọi điện cảnh báo bà T đừng vượt quá giới hạn của mình vì sức chịu đựng của tôi có hạn do bà T vẫn tiếp tục xúc phạm, danh dự nhân phẩm của tôi. Ngày 25/01/2023 (Mùng 4 Tết) tôi có cầm dao rượt đuổi bà T là do bà T tiếp tục có hành vi chửi bới, nhục mạ, xúc phạm danh dự nhân phẩm tôi trong lúc hàng xóm kể bên nhà đang ngồi ăn tiệc đông người và trong lúc tôi đang say xỉn nên tôi có hành động trên với mục đích giữ thể diện cho bản thân trước mặt hàng xóm chứ không có mục đích gây nguy hiểm đến tính mạng của bà T. Nay bà T có đơn xin ly hôn với tôi thì tôi (T1) đồng ý ly hôn với bà T.

- Về con chung: Tôi (T1) và bà Đậu Trang T có 01 con chung tên Nguyễn Đức Â, sinh ngày 08/11/2022. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Toà án giao con chung Nguyễn Đức Â cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay tôi làm nghề tự do (Trung gian về đất đai), thu nhập số tiền khoảng 20.000.000đ/tháng (Hai mươi triệu đồng/tháng) đảm bảo kinh tế nuôi con. Có nhà ở tại 2/7/10 Nguyễn Thành Phương, khu phố 6, phường TN, thành phố BH, tỉnh ĐN đảm bảo chỗ ở cho con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị toà án giải quyết theo pháp luật.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Đậu Trang T và bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đậu Trang T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét xử cho bà Đậu Trang T được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh T1.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức Â, sinh ngày 08/11/2022 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Đức Â số tiền là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2023.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Đậu Trang T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Đậu Trang T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh T1, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: 2/7/10 Nguyễn Thành Phương, khu phố 6, phường TN, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đậu Trang T và ông Nguyễn Huỳnh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TN, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TN cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2022 ngày 03/02/2022. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân giữa bà T và ông T1 được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đậu Trang T kiên quyết đề nghị HĐXX giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T1 do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên.

Theo biên bản xác minh ngày 03/4/2023 tại UBND phường TN, thành phố BH (Bút lục số 29) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Vợ chồng bà T và ông T1, trú tại địa chỉ: 2/7/10 Nguyễn Thành Phương, khu phố 6, phường TN, thành phố BH, tỉnh Đnà có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ do không nhận được trình báo cũng như liên hệ để giải quyết”. Tuy nhiên, theo các bản khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, ông T1 đồng ý ly hôn với bà T, ý chí của ông T1 là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên ghi nhận. Vì vậy, HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đậu Trang T, xét xử cho bà Đậu Trang T được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh T1.

- Về con chung:

Các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu HĐXX giải quyết giao con chung của bà và ông T1 tên Nguyễn Đức Á, sinh ngày 08/11/2022 cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì đến thời điểm xét xử cháu chỉ mới được khoảng 08 tháng tuổi, yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2023.

Các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, ông T yêu cầu Tòa án giao con chung tên Nguyễn Đức Á, sinh ngày 08/11/2022 cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Thùy cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Nguyễn Đức Á, sinh ngày 08/11/2022 tính đến thời điểm xét xử 19/6/2022 cháu Á mới được khoảng 08 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “Con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực

tiếp nuôi”. Theo lời khai và tại phiên toà, bà T làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 15.000.000đ/tháng (Mười lăm triệu đồng/tháng) đảm bảo kinh tế nuôi con, cháu Á đang sống với bà tại địa chỉ liên lạc: 15/83/17 Võ Duy Ninh, phường 22, quận BT, Thành phố HCM đảm bảo chỗ ở cho con. Việc bà T yêu cầu giao con chung Nguyễn Đức Á cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng HĐXX xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T.

Như đã phân tích trên, do HĐXX chấp yêu cầu của nguyên đơn bà Đậu Trang T nên yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T1 yêu cầu HĐXX giao con chung Nguyễn Đức Á cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng không được HĐXX chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Nguyên đơn bà Đậu Trang T yêu cầu HĐXX buộc bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Đức Á, sinh ngày 08/11/2022 số tiền là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2023. Theo ông T1 khai thì ông làm nghề tự do (Trung gian về đất đai), thu nhập số tiền khoảng 20.000.000đ/tháng (Hai mươi triệu đồng/tháng), việc bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đức Á số tiền 3.000.000đ/tháng là phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu trên của bà T. Buộc ông T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đức Á số tiền là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2023.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Nguyên đơn bà Đậu Trang T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 8, 9, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đậu Trang T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đậu Trang T được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh T1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Á, sinh ngày 08/11/2022 cho bà Đậu Trang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Huỳnh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Đức Á số tiền là 3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án số tiền cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Ông T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích hợp pháp của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

- Bà bà Đậu Trang T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006321 ngày 20/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà T đã nộp đủ án phí.

- Ông Nguyễn Huỳnh T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn bà Đậu Trang T và bị đơn ông Nguyễn Huỳnh T1 có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường TN, TP. BH,
tỉnh ĐN (Giấy chứng nhận kết hôn
số 20/2022 ngày 03/02/2022);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn